

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2019/DS-PT.

Ngày: 08/10/2019

V/v “Tranh chấp nợ hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Kha

Các thẩm phán: Ông Phạm Đình Thi
Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Năng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp nợ hụi.

Do bản án sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐPT-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 189 Hồ Thị N, tổ 11, khu phố 5, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 10 khu phố 5, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Minh H2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 10 khu phố 5, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H1.

(Bà M, bà H1, ông H2 có mặt; bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Bà Phạm Thị M trình bày:* Ngày 03/2/2015 bà có mở một dây hội tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng gồm 30 hội viên tham gia. Trong đó có bà Nguyễn Thị Kim H1 tham gia 01 đầu (một chân hội). Vào ngày khai hội thứ hai là ngày 03/3/2015 bà H1 đã bỏ hốt với số tiền là 780.000 đồng nên ngày 08/3/2015 bà giao tiền hội cho bà H1 với tổng số tiền là 70.380.000 đồng. Sau lần giao hội này bà H1 có đóng hội chết cho bà được 08 tháng (từ tháng 4 đến tháng 11/2015) với số tiền cụ thể bao nhiêu thì bà không nhớ. Sau đó thì bà H1 có đóng nhưng đóng số tiền không đủ, cụ thể mỗi tháng bà đã liệt kê trong đơn bổ sung ngày 26/10/2018.

Sau khi bà thông báo ngưng hội thì bà H1 có trả thêm cho bà được 05 tháng (từ tháng 9 đến tháng 12/2017), mỗi tháng 1.500.000 đồng nên tổng số tiền bà nhận sau khi ngưng hội là 7.500.000 đồng. Như vậy số tiền bà H1 còn thiếu bà là $37.700.000 \text{ đồng} - 7.500.000 \text{ đồng} = 30.200.000 \text{ đồng}$.

Nay bà yêu cầu bà H1 phải trả cho bà một lần số tiền 30.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H1 trình bày:*

Bà thừa nhận có tham gia chơi hội và đã hốt hội do Bà M làm chủ hội. Tại buổi hòa giải ngày 24/8/2017 của Ban nhân dân khu phố 5 bà và Bà M thống nhất số tiền bà còn nợ Bà M là 37.700.000 đồng nhưng Bà M đã cho bà 10.700.000 đồng. Sau đó bà đã đóng được 06 tháng $\times 1.500.000 \text{ đồng/tháng} = 9.000.000 \text{ đồng}$.

Nay bà đồng ý trả cho Bà M 22.000.000 đồng và xin trả dần 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ. Nếu Bà M không đồng ý thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Minh H2 trình bày:*

Ông với bà Nguyễn Thị Kim H1 chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước năm 2000 thì vợ chồng sống ở Bình Định. Từ năm 2000 vợ chồng vào Phú Quốc sinh sống làm nghề biển. Hiện nay ông làm thợ hồ cho các công trình xây dựng còn bà H1 ở nhà làm nội trợ.

Việc bà H1 có tham gia chơi hội với Bà Phạm Thị M hay không thì ông không biết. Nay Bà M khởi kiện yêu cầu bà H1 trả số tiền nợ hội là 30.200.000 đồng nếu bà H1 đồng ý trả nợ thì ông cũng đồng ý cùng trả nhưng hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên không thể trả một lần số tiền 30.200.000 đồng.

- *Người làm chứng bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà làm việc tại Hội phụ nữ khu phố 5, thị trấn A, huyện P. Ngày 03/2/2015 bà có tham gia dây hụi do Bà Phạm Thị M làm chủ hụi với 30 người tham gia và góp 3.000.000 đồng/người/tháng. Ngày 03/3/2015 bà H1 hốt hụi nhưng không đóng đủ hụi chết nên Bà M nộp đơn yêu cầu khu phố 5 giải quyết. Tại buổi hòa giải ngày 24/8/2017 bà H1 chấp nhận số tiền hụi còn thiếu Bà M là 37.700.000 đồng và xin đóng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ nhưng bà H1 không trực tiếp đưa tiền cho Bà M mà đưa cho bà đưa lại cho Bà M. Những lần bà H1 đưa tiền cho bà đều có làm giấy tờ nhận tiền. Tổng cộng bà H1 đưa cho bà được 05 lần x 1.500.000 đồng/lần = 7.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền này bà đã giao lại cho Bà M, ngoài ra bà không còn nhận số tiền nào khác của bà H1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 17/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị M đối với bà Nguyễn Thị Kim H1 (Bia).

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim H1 (Bia) phải trả cho Bà Phạm Thị M một lần số tiền nợ 30.200.000đ (Ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Minh H2 trả nợ cùng bà Nguyễn Thị Kim H1 cho Bà Phạm Thị M.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Đến ngày 22/6/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H1 có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung:

Đề nghị xem xét cho bà Nguyễn Thị Kim H1 được trả cho nguyên đơn Bà Phạm Thị M số tiền 19.500.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 17/6/2019 của Tòa án

nhân dân huyện P theo hướng buộc bà Nguyễn Thị Kim H1 trả cho Bà Phạm Thị M số tiền 30.200.000 đồng (Ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Người làm chứng bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T.

[2]. Về nội dung: Nguyên đơn Bà M và bị đơn bà H1 thống nhất vào ngày 03/02/2015 bà H1 có tham gia 01 dây hụi tháng do Bà M làm chủ, dây hụi 3.000.000 đồng gồm 30 người tham gia. Bà H1 hốt hụi vào ngày 03/3/2015 được số tiền 70.380.000 đồng. Tại biên bản hòa giải tại khu phố 5 ngày 24/8/2017 thì hai bên thống nhất bà H1 còn nợ Bà M số tiền hụi chết là 37.700.000 đồng, Bà M cho rằng sau đó bà H1 có đóng thêm được tổng cộng 7.500.000 đồng. Do đó Bà M khởi kiện yêu cầu bà H1 trả cho bà số tiền nợ hụi còn lại là 30.200.000 đồng. Bị đơn bà H1 cho rằng khi hòa giải tại khu phố 5 ngày 24/8/2017 Bà M có đồng ý cho bà số tiền 10.700.000 đồng nên số tiền bà còn nợ là 27.000.000 đồng, sau đó bà đóng thêm được 9.000.000 đồng nên chỉ còn nợ 18.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H1 đồng ý trả cho Bà M số tiền 22.000.000 đồng.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H1 yêu cầu xem xét cho bà H1 được trả cho nguyên đơn Bà M số tiền 19.500.000 đồng và được trả nhiều lần số tiền trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại biên bản hòa giải của khu phố 5 ngày 24/8/2017 bị đơn bà H1 thừa nhận bà còn nợ Bà M số tiền 37.700.000 đồng, nguyên đơn Bà M có ý kiến đồng ý cho bà H1 số tiền 10.700.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H1 trả số tiền 27.000.000 đồng với điều kiện bà H1 phải trả liên tục mỗi tháng 1.500.000 đồng từ ngày 24/9/2017 cho đến khi hết nợ. Nếu bà H1 không thực hiện đúng thì phải trả đủ số tiền 37.700.000 đồng. Tuy nhiên sau đó bà H1 chỉ trả được cho Bà M số tiền 7.500.000 đồng thì không trả nữa. Do đó Bà M yêu cầu bà H1 trả cho bà số tiền nợ còn lại 30.200.000 đồng là phù hợp.

Bà H1 kháng cáo cho rằng Bà M đã cho Bà M đã đồng ý giảm cho bà 10.700.000 đồng nên bà chỉ còn nợ số tiền 27.000.000 đồng, sau đó bà có trả thêm được 7.500.000 đồng nên bà yêu cầu được tiếp tục trả cho Bà M số tiền còn lại 19.500.000 đồng là không có căn cứ.

Đối với kháng cáo của bà H1 xin được trả dần số tiền nợ cho Bà M không được Bà M chấp nhận tại phiên tòa. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H1 cũng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là

có căn cứ. Do đó không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1.

Do vậy trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí: Áp dụng Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.510.000 đồng.

Nguyên đơn Bà Phạm Thị M không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại 755.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai của Cơ quan thi hành án huyện P.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà H1 phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008114 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Hui, họ, biểu, phường;

Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H1.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 17/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị M đối với bà Nguyễn Thị Kim H1.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim H1 phải trả cho Bà Phạm Thị M một lần số tiền nợ 30.200.000đ (Ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Minh H2 trả nợ cùng bà Nguyễn Thị Kim H1 cho Bà Phạm Thị M.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H1 phải chịu án phí số tiền 1.510.000đ (Một triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Nguyên đơn Bà Phạm Thị M được nhận lại 755.000đ (Bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008114 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H1 phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002764 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

